

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẠCH THÔNG  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS - ST

Ngày 28 - 9 - 2022

*“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Thế Doanh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lê Thị Đào** và bà **Nguyễn Thị Gấm**

**- Thư ký phiên toà:** Ông **Cao Văn Thuận** - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Bạch Thông;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên toà:**  
Bà **Hoàng Thị Minh Phong** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27, 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp yêu cầu trả lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1939 - Địa chỉ: Thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mã Thị D, sinh năm 1963 - Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt khi tuyên án).

2. *Bị đơn:* Bà Vy Thị H, sinh năm 1967 - Địa chỉ: Thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Mã Văn Ch, sinh năm 1966 - Địa chỉ: Thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

*4. Người làm chứng:*

- Chị Dương Thị L, sinh năm 1995 (có đơn xét xử vắng mặt);
- Anh Mã Văn N, sinh năm 1992 (Có mặt);
- Ông Trương Văn Th, sinh năm 1962 (Có mặt).

Đều trú tại: Thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Chị Mã Thị H, sinh năm 1971 - Địa chỉ: Tổ 17, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Chị Mã Thị T, sinh năm 1986 - Địa chỉ: Thôn I, xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội (Có đơn xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021, đơn khởi kiện (bổ sung) đề ngày 08/11/2021 và tại biên bản lấy khai khai ngày 24/02/2022, nguyên đơn bà Triệu Thị Đ trình bày:*

Bà và ông Mã Văn Ng (đã chết năm 2019) có 04 người con là Mã Thị D, Mã Văn Ch, Mã Thị V, Mã Thị H. Năm 1993, vợ chồng bà xây dựng được ngôi nhà cấp IV đối diện đường lên trụ sở Ủy ban nhân dân xã P cũ, mở hàng quán bánh kẹo, đồ nước uống đến nay. Tháng 8/2017 bà bị ốm, đi khám bệnh không may bị ngã gãy chân không thể đi lại được. Đến tháng 11/2017 con trai bà là Mã Văn Ch dựng xong nhà mới đón bà về ở cùng để tiện chăm sóc. Còn ông Ng vẫn sinh sống tại quán. Trong thời gian ông Ng ốm, bà Vy Thị H (vợ ông Mã Văn Ch) đã dụ dỗ ông Ng đưa hết tiền tiết kiệm và tiền trợ cấp lương hưu hàng tháng của vợ chồng bà tích góp được hơn 20 năm là 160.000.000 đồng. Số tiền này cất giữ tại nhà, sau đó ông Ng cho con gái là Mã Thị H (sinh năm 1971; trú tại: Tổ 17, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang) vay 110.000.000 đồng và ông Trương Văn Th (sinh năm 1962; trú tại: Thôn C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) vay 50.0000.000 đồng. Ông Ng cho chị H, ông Th vay khi nào, trả khi nào, có lập giấy tờ không thì bà không biết. Bà cũng không biết ông Ng đưa số tiền trên cho bà H khi nào và đưa số tiền cụ thể là bao nhiêu, có ai làm chứng không. Đến ngày 01/6/2019 ông Ng qua đời, bà H không bỏ tiền ra lo đám ma cho ông Ng. Sau khi ông Ng chết 40 ngày, bà có bảo cháu dâu là Dương Thị L bảo bà H trả tiền nhưng từ đó đến nay bà H không trả.

Về nhà ở mang tên vợ chồng bà, năm 2018 vợ chồng bà thống nhất làm thủ tục chuyển nhượng cho cháu nội (Mã Văn N). Nhưng sau khi chồng bà chết. Mẹ con bà H đã lấy hết tài sản trong ngôi nhà (giường, tủ gỗ, tủ lạnh và một số tài sản khác) không chăm sóc bà. Nay, bà yêu cầu bà Vy Thị H phải trả số tiền 160.000.000 đồng ông Ng đã đưa, không yêu cầu trả lãi.

Tài liệu kèm theo là Kết luận số 23/CSĐT ngày 08/01/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bạch Thông về việc trả lời kết quả xác minh đơn thư của công dân.

Tại buổi đối chất ngày 30/5/2022, bà Đ thay đổi một số nội dung vụ việc, cụ thể: Số tiền 160.000.000 đồng là tiền riêng của bà do được trả tiền đi thanh niên xung phong và bán hàng có được. Bà được đưa số tiền này cho ông Ng. Ông Ng có hỏi bà gửi tiền tại ngân hàng nào thì tốt hơn nhưng bà không trả lời. Bà đưa số tiền này cho ông Ng nhiều lần nhưng không nhớ số lần đưa và thời gian cụ thể và không có ai làm chứng, không có giấy tờ biên nhận. Ông Ng đi gửi tiền ở ngân hàng nào thì bà không biết. Sau đó, ông Ng rút tiền này cho chị H, ông Th vay từ khi nào thì bà không biết do ông Ng không nói với bà. Bà được nghe người khác nói là ông Ng đưa hết tiền này cho bà H. Việc ông Ng đưa hết tiền cho bà H là do bà nghe người khác nói. Bà Đ thừa nhận trong thời gian ông Ng ốm đau thì bà H là người trực tiếp chăm sóc, chi trả các chi phí điều trị, thuốc men, ăn uống của ông Ng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi lời khai trình bày: Nguồn gốc số tiền 160.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông Ng, bà Đ từ lương hưu của ông Ng và tiền bán hàng của bà Đ. Khi ông Ng cho ông Th, chị H và sau đó đưa số tiền này cho bà H thì bà Đ không biết. Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kiện, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bồi thường.

*- Trong các lời khai quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Vy Thị H trình bày:*

Bà là con dâu của bà Triệu Thị Đ. Khoảng tháng 6 (âm lịch) năm 2017, khi bà Đ bị ngã gãy chân nằm một chỗ, bà được trực tiếp chăm sóc bà Đ. Tháng 11 (âm lịch) năm 2017, ông Ch (chồng bà) xây nhà ra ở riêng, đón bà Đ về ở cùng, còn mẹ con bà ở riêng. Còn ông Mã Văn Ng từ năm 2017 đến tháng 5/2018 do tuổi cao sức yếu thường xuyên đau yếu hai chân bị liệt không đi lại được phải nằm một chỗ nên bà là người chăm sóc cho ông Ng hàng ngày. Từ tháng 6/2018, bà đón ông Ng về ở với mẹ con bà chăm sóc ông Ng cho đến khi ông Ng chết. Bà có đưa ông Ng đi điều trị tại bệnh viện Bạch Thông, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Nội chữa trị. Bà có được hai lần đưa ông Ng đi rút tiền, cụ thể: Lần một (bà không rõ ngày tháng cụ thể), bà cùng con trai là Mã Văn N chở ông Ng bằng xe máy ra Ngân hàng N Chi nhánh B để ông Ng rút tiền. Ông Ng rút khoảng 70.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Sau khi về nhà, ông Ng đưa số tiền này cho bà bảo bà chi tiêu ăn uống, thuốc men cho ông Ng vì khi đó ông Ng ở chung với mẹ con bà. Ông Ng đưa tiền chỉ có bà và ông Ng biết. Lần hai (bà không nhớ rõ thời gian) bà và con trai là N chở ông Ng ra Bưu điện huyện B để ông Ng rút tiền. Ông Ng rút khoảng 50.000.000 đồng tiền gốc và lãi. Khi về nhà, ông Ng đưa số tiền này cho bà để bà chi phí ăn uống, thuốc men

cho ông Ng. Khi ông Ng đưa tiền cho bà thì không ai chứng kiến, không lập giấy tờ. Số tiền bà nhận từ ông Ng bà không biết nguồn gốc của ai. Số tiền này bà chi phí ăn uống, thuốc men cho ông Ng hết, hiện không còn đồng nào. Nay, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu kèm theo là giấy xác nhận chăm sóc bệnh nhân và sổ ghi chép xác nhận việc bà H đã chăm sóc, chữa trị cho ông Ng; các giấy ra viện, phiếu thu, giấy xác nhận chăm sóc bệnh nhân; bảng kê chi phí điều trị của ông Ng.

Tại phiên tòa, bị đơn thay đổi lời khai, không thừa nhận được nhận 2 lần số tiền 70.000.000 đồng và 50.000.000 đồng mà sau khi ông Ng rút tiền về có đưa cho bà nhiều lần không nhớ cụ thể để chi phí chữa bệnh cho ông Ng.

*- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2022 của ông Mã Văn Ch là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông kết hôn với bà Vy Thị H từ cuối năm 1985. Vợ chồng ông ly thân từ năm 2017 đến nay, chưa ly hôn. Ông biết việc ông Ng đưa tiền cho bà H là do chị Mã Thị H nói lại. Cụ thể: Khi ông Ng đi điều trị ở Bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên (không nhớ thời gian cụ thể) chị H đi chăm sóc ông Ng. Sau khi đưa ông Ng về nhà, chị H nói lại với ông là trước đây có vay của ông Ng 150.000.000 đồng để làm nhà bên Hà Giang. Khi ông Ng ốm có gọi cho chị H bảo chị H trả tiền. Chị H đã trả thành 03 lần được 110.000.000 đồng, trong đó có khoảng 1- 2 lần chuyển trả qua ngân hàng. bưu điện và một lần trả trực tiếp cho ông Ng khi ông Ng tiếp tục đi điều trị tại Thái Nguyên. Lần này chị H trực tiếp nhìn thấy ông Ng đưa tiền cho bà H. Bản thân ông cũng một lần được nhìn thấy bà H đưa ông Ng ra Ngân hàng N Chi nhánh B để rút tiền nhưng không được thấy ông Ng đưa tiền cho bà H. Việc ông Ng đưa tiền cho bà H nhằm mục đích gì và bà H dùng số tiền này vào việc gì thì ông không biết, bà H cũng không trao đổi với ông nên ông không có nghĩa vụ phải cùng bà H trả số tiền này cho bà Đ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Bà H đã thừa nhận được nhận tiền từ ông Ng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ pháp lý đòi lại tài sản là các điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bạch Thông kết luận số tiền bà H được nhận giao động từ 103.845.900 đồng đến 110.000.000 đồng. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ các khoản chi phí điều trị của ông Ng là bao

nhiều tiền. Ngoài tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng, bưu điện thì tiền lương hưu của ông Ng khi còn sống là bao nhiêu để xác định bà H đã nhận bao nhiêu tiền từ ông Ng. Từ đó xác định số tiền còn lại buộc bà H phải trả lại cho bà Đ.

- *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về thủ tục chuẩn bị xét xử, thời hạn xét xử, việc đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng thời hạn xét xử và đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 165, 166, 195 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 1 Điều 35 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Bà Đ đã khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại số tiền đã chiếm giữ. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các bên đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3]. Về quan hệ giữa bà Đ và ông Ng: Bà Triệu Thị Đ và ông Mã Văn Ng chung sống từ khoảng năm 1962. Quá trình chung sống, vợ chồng bà Đ có 04 người con là Mã Thị D, Mã Văn Ch, Mã Thị V, Mã Thị H. Năm 1985, ông Ch kết hôn với bà H và chung sống với vợ chồng bà Đ đến năm 1993. Năm 1993, vợ chồng bà Đ mở quán bán hàng tại thôn C, xã P (nay thuộc thị trấn P), huyện B. Tháng 11/2017, ông Ch xây nhà ra ở riêng không ở chung với bà H và có đón bà Đ

về ở cùng, còn ông Ng vẫn sinh sống tại quán. Đến tháng 6/2018, bà H đón ông Ng về ở cùng mẹ con bà H. Tháng 6/2019, ông Ng chết.

[4]. Về ý kiến của bà Đ cho rằng ông Ng đã đưa cho bà H số tiền là 160.000.0000 đồng là tiền do chị H, ông Th trả cho ông Ng.

Quá trình tố tụng, ông Trương Văn Th khai: Cách đây khoảng 4 - 5 năm, khi ông Ng còn sinh sống tại quán. ông có được vay của ông Ng 50.000.000 đồng để mua vật liệu xây dựng nhà ở. Ông đặt vấn đề và nhận tiền trực tiếp từ ông Ng. Một tháng sau ông trả lại số tiền này trực tiếp cho ông Ng. Ông không được nhìn thấy hoặc nghe ai nói ông Ng đưa số tiền ông đã trả cho bà H. Sau này ông nói với ông Ch là được vay tiền của ông Ng.

Quá trình tố tụng, chị Mã Thị H khai: Đầu năm 2017 (không nhớ chính xác thời gian), chị có đặt vấn đề vay tiền để mua nhà tại Hà Giang với ông Ng, bà Đ. Một tháng sau, ông Ng đưa cho chị số tiền 100.000.0000 đồng. Sau đó khoảng 1 tháng, ông Ng lại đưa cho chị 50.000.000 đồng. Vài tháng sau, ông Ng đòi lại tiền. Chị đã trả ông Ng 3 lần. Lần 1 trả trực tiếp cho ông Ng có mặt bà Đ chứng kiến số tiền 50.000.000 đồng. Lần 2 chị chuyển khoản cho cháu dâu là Dương Thị L hoặc cháu gái là Mã Thị T (chị không nhớ chính xác chuyển khoản cho ai) số tiền 20.000.000 đồng để trả ông Ng. Lần ba (không nhớ thời gian), khi ông Ng điều trị tại Thái Nguyên, chị có đưa cho ông Ng số tiền 40.000.000 đồng, khi đó bà H có mặt nhìn thấy, sau đó chị nhìn thấy ông Ng đưa số tiền này cho bà H. Số tiền chị vay của ông Ng là tài sản chung của bố mẹ chị từ lương hưu và bán hàng mà có. Chị H thừa nhận không được nhìn thấy ông Ng đưa số tiền chị đã trả ông Ng lần thứ nhất và lần thứ hai cho bà H.

Quá trình tố tụng, người làm chứng Mã Văn N khai: Anh nhớ có hai lần được cùng bà H chở ông Ng ra ngân hàng, bưu điện rút tiền tiết kiệm. Lần rút tại Ngân hàng N được khoảng 70.000.000 đồng, lần rút tiền tại bưu điện được khoảng 50.000.000 đồng. Sau khi về nhà ông Ng có đưa số tiền này cho bà H không thì anh không biết. Anh chưa được nhìn thấy ông Ng đưa tiền cho bà H; Người làm chứng Dương Thị L khai: Khi ông Ng còn sống, chị thỉnh thoảng thấy ông Ng đưa vài trăm nghìn cho bà H để mua đồ ăn, thuốc men cho ông Ng; Bà Mã Thị D khai với tư cách người làm chứng: Bà không trực tiếp nhìn thấy ông Ng đưa tiền cho bà H mà nghe qua chị H nói lại; Chị Mã Thị T khai: Chị không được nhận số tiền 20.000.000 đồng chuyển khoản của chị H để trả cho ông Ng.

Tại phiên tòa, ông Mã Văn Ch khai: Ông không được nhìn thấy ông Ng đưa tiền cho bà H mà do chị H nói lại với ông Ch.

Tại phiên tòa, bà H khai: Khi ông Ng đi điều trị tại Thái Nguyên, bà có được nhìn thấy chị H đưa 40.000.000 đồng cho ông Ng nhưng không thừa nhận ông Ng đã đưa lại số tiền này cho bà H. Phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu,

chứng cứ để chứng minh số tiền ông Ng đưa cho bà H là số tiền ông Th, chị H đã trả cho ông Ng.

Như vậy không có căn cứ để khẳng định ông Ng đã đưa cho bà H số tiền mà chị H, ông Th đã trả cho ông Ng.

[5]. Đối với số tiền bà H thừa nhận đã nhận từ ông Ng.

Bà H thừa nhận đã nhiều lần được ông Ng đưa tiền cho bà để chi phí ăn uống, điều trị bệnh cho ông Ng, số tiền cụ thể bà đã kê trong bảng kê. Số tiền ông Ng đưa bà đã chi tiêu hết cho việc ăn uống, chữa bệnh của ông Ng. Bà H cũng thừa nhận được đi rút lương hưu 3 tháng cuối của ông Ng nhưng sau đó bà về đưa lại cho ông Ng. Ngoài ra, khi còn sống ông Ng cũng đưa tiền cho bà để sửa chữa nhà, xây tường rào của mẹ con bà nhưng bà không nhớ ông Ng đưa bao nhiêu tiền, đưa vào thời gian nào.

Bản thân bà Triệu Thị Đ, bà Mã Thị D, ông Mã Văn Ch, chị Mã Thị H cũng thừa nhận trước khi ông Ng chết thì bà H là người trực tiếp chăm sóc và trực tiếp chi trả các khoản chi phí ăn uống, sinh hoạt, chữa bệnh cho ông Ng.

Tại Công văn số 1175 ngày 23/12/2019 của Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn về cung cấp thông tin cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bạch Thông (tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bạch Thông cung cấp cho Tòa án) cho biết: Năm 2018, ông Ng có mở 03 tài khoản tiền gửi tiết kiệm nhưng đến ngày 22/01/2019 cả 03 tài khoản tiền tiết kiệm đã tất toán. Tài khoản 8607683027812 có số tiền khi đóng sổ là 30.363.500 đồng, tài khoản 8607683021086 có số tiền khi đóng sổ là 21.877.700 đồng, tài khoản 8607602160349 có số tiền khi đóng sổ là 11.604.700 đồng.

Tại biên bản xác minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bạch Thông lập ngày 11/12/2019 (tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bạch Thông cung cấp cho Tòa án), Giám đốc bưu điện huyện B cho biết: Trong năm 2019 không có trường hợp nào đến bưu điện huyện B rút tiền tiết kiệm bưu điện thay cho ông Ng. Những lần rút tiền tiết kiệm bưu điện, ông Ng trực tiếp đến làm thủ tục rút tiền. Tuy nhiên không xác định được số tiền mà ông Ng đã gửi và đã rút là bao nhiêu do hệ thống và tài liệu lưu trữ thông tin giao dịch đã tự động bị xóa theo thời gian.

Như vậy, có căn cứ khẳng định số tiền ông Ng đã đưa cho bà H là tài sản chung của vợ chồng ông Ng, bà Đ với mục đích để chi phí ăn uống, sinh hoạt và chữa trị cho ông Ng, sửa chữa nhà cửa bà H để ở (ông Ng có thời gian ở với mẹ con bà H). Đây là nhu cầu thiết yếu của gia đình nên theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình coi như bà Đ đã đồng ý. Ông Ng là chủ sở hữu tài sản đã ủy

quyền cho bà H chiếm hữu, định đoạt tài sản (tiền) trên. Bà H chiếm hữu tài sản (tiền) trên là có căn cứ pháp luật.

[6]. Như vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền 160.000.000 đồng.

[7]. Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ thấy: Phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền bà H nhận của ông Ng là số tiền ông Th, chị H đã trả; không có tài liệu, chứng cứ chứng minh sau khi ông Ng chết, số tiền còn lại là bao nhiêu; bị đơn cũng không thừa nhận số tiền còn thừa. Hơn nữa, ông Ng đã chết nên không thể làm rõ được những vấn đề như ông Ng đã đưa cho bà H bao nhiêu tiền, số tiền tiết kiệm, lương hưu ông Ng rút về đã chi tiêu vào việc gì, ông Ng có tặng cho ai, cho ai vay nữa không...nên không chấp nhận đề nghị trên của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[8]. Đối với ý kiến của bà Đ về việc sau khi ông Ng chết, mẹ con bà H đã lấy hết tài sản trong ngôi nhà, không chăm sóc bà nhưng do bà Đ không có yêu cầu mẹ con bà H phải trả lại nên Tòa án không xem xét trong vụ án này.

[9]. Về án phí sơ thẩm: Bà Đ là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nhưng không có đơn xin miễn giảm án phí nên phải chịu án phí theo quy định. Bà H không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 165, 166, 195 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, khoản 1 Điều 35 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị Đ buộc bị đơn Vy Thị H phải trả lại số tiền 160.000.000 đồng.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Bà Triệu Thị Đ phải chịu 8.000.000đ (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo Biên lai thu số 0000517 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông. Bà Đ còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Bà Vy Thị H không phải chịu án phí.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*



*thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Bạch Thông;
- Chi cục THADS huyện Bạch Thông;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Doanh**



